

Số: 42 /2012/TT-BCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định Danh mục hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới, đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 139/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới, Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng hoá được phép nhập khẩu vào nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới như sau:

Điều 1. Danh mục hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới

1. Danh mục hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Các mặt hàng ngoài quy định tại Thông tư này không được nhập khẩu vào nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới.

Điều 2. Hạn chế và bổ sung mặt hàng

1. Trong trường hợp cần đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng ngừa dịch bệnh qua biên giới hoặc an ninh lương thực quốc gia, Bộ trưởng Bộ Công Thương, sau khi thống nhất với các thành viên Ban Chỉ đạo Thương mại biên giới, ban hành quyết định không cho phép cư dân biên giới được nhập khẩu một



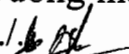
số mặt hàng trong Danh mục hàng hóa được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với từng địa bàn cửa khẩu hoặc từng tỉnh hoặc toàn tuyến biên giới.

2. Trong trường hợp cần thúc đẩy sản xuất hoặc cung ứng hàng hóa thiết yếu đối với đời sống hàng ngày của cư dân biên giới hoặc do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, Bộ trưởng Bộ Công Thương, sau khi thống nhất với các thành viên Ban Chỉ đạo Thương mại biên giới, ban hành quyết định cho phép cư dân biên giới được nhập khẩu và hưởng định mức miễn thuế nhập khẩu một số mặt hàng ngoài Danh mục hàng hóa được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với từng địa bàn cửa khẩu hoặc từng tỉnh hoặc toàn tuyến biên giới.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013 và thay thế Thông tư số 10/2010/TT-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định hàng hoá được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới thời kỳ 2010 – 2012.

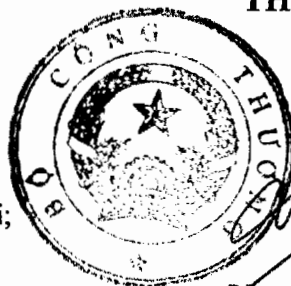
2. Trong thời gian Thông tư này chưa có hiệu lực, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2013, tiếp tục thực hiện Thông tư số 10/2010/TT-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định hàng hoá được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới thời kỳ 2010 – 2012.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để kịp thời xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành;
- HĐND, UBND các tỉnh;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia;
- Website Chính phủ, Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Sở Công Thương các tỉnh;
- Lưu: VT, TMMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Cẩm Tú

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HOÁ ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI
NHẬP KHẨU VÀO NƯỚC CHXNCN VIỆT NAM DƯỚI HÌNH THỨC
MUA, BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HOÁ CƯ DÂN BIÊN GIỚI
(Kèm theo Thông tư số 42 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Mã HS			Mô tả hàng hoá
1.	03.01			Cá sống
2.	03.05			Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; bột mịn, bột thô và bột viên làm từ cá, thích hợp dùng làm thức ăn cho người
3.	07			Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được
4.	08			Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc cái loại dưa
5.	10.05			Ngô
6.	10.06			Lúa gạo
7.	11.01	00	10	Bột mỳ
8.	12.01			Đậu tương, đã hoặc chưa vỡ mảnh
9.	12.02			Lạc chưa rang, hoặc chưa làm chín cách khác, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc vỡ mảnh
10.	12.07	40	00	Hạt vừng
11.	13.01			Nhựa cánh kiến đỏ; gôm tự nhiên, nhựa cây, nhựa gôm và nhựa dầu (ví dụ, nhựa thơm từ cây balsam)
12.	14.01			Nguyên liệu thực vật chủ yếu dùng để tết bện (như: tre, song, mây, sậy, liễu gai, cây bác, cọ sồi, đã rửa sạch, chuối hoặc các loại rơm, rạ ngũ cốc đã tẩy hoặc nhuộm và vỏ cây đoạn)
13.	19.02	30		Mì, bún làm từ gạo ăn liền; Miến; Mì ăn liền
14.	20.08	19	10	Hạt điều
15.	25.01	00	10	Muối ăn
16.	25.05			Các loại cát tự nhiên, đã hoặc chưa nhuộm màu, trừ cát chứa kim loại thuộc Chương 26

17.	25.23			Xi măng Portland, xi măng nhôm, xi măng xi (xốp), xi măng super sulphat và xi măng chịu nước (xi măng thủy lực) tương tự, đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke
18.	27			Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bitum; các loại sáp khoáng chất
19.	31			Phân bón
20.	40.01			Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cúc cao su, nhựa cây họ sacolasea và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải
21.	42.02	12		Cặp, túi đeo vai cho học sinh
22.	44			Các mặt hàng bằng gỗ
23.	62.09			Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em
24.	64.01			Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastic, mũ giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoáy ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự
25.	68.01	00	00	Các loại đá lát, đá lát lề đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến)
26.	69.02			Gạch, gạch khối, ngói chịu lửa và các loại vật liệu xây dựng bằng gốm chịu lửa tương tự, trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự
27.	73.08			Các kết cấu bằng sắt hoặc thép (trừ nhà lắp ghép thuộc nhóm 94.06) và các bộ phận rời của các kết cấu (ví dụ: cầu và nhịp cầu, cửa cống, tháp, cột lưới, mái nhà, khung mái, cửa ra vào, cửa sổ, và các loại khung cửa, ngưỡng cửa ra vào, cửa chớp, lan can, cột trụ và các loại cột khác) bằng sắt hoặc thép; tấm, thanh, góc, khuôn, hình ống và các loại tương tự, đã được gia công để dùng làm kết cấu xây dựng, bằng sắt hoặc thép

28.	82.01		Dụng cụ cầm tay, gồm: mai, xẻng, cuốc chim, cuốc, dụng cụ xới và làm tơi đất, chĩa và cào; rìu, câu liềm và các dụng cụ tương tự dùng để cắt chặt; kéo cắt cây và kéo tĩa cây các loại; hái, liềm, dao cắt cỏ, kéo tĩa xén hàng rào, cái nêm gỗ và các dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp, làm vườn hoặc trong lâm nghiệp.
29.	82.15		Thìa, đĩa, muôi, thìa hớt kem, hớt bột, đồ xúc bánh, dao ăn cá, dao cắt bơ, kẹp gấp đường và các loại đồ dùng nhà bếp hoặc bộ đồ ăn tương tự
30.	85.07		Ắc quy điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, hình chữ nhật hoặc hình khác (kể cả hình vuông)
31.	85.36		Cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối
32.	85.39		Đèn điện dây tóc hoặc đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; đèn hồ quang
33.	85.44		Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối
34.	96.08		Bút bi; bút phớt và bút phớt có ruột khác và bút đánh dấu; bút máy, bút máy ngòi ống và các loại bút khác; bút viết giấy nhân bản (duplicating stylos); các loại bút chì bấm hoặc bút chì đẩy; quản bút mực, quản bút chì, các loại quản bút tương tự; bộ phận (kể cả nắp và kẹp bút) của các loại bút kể trên, trừ các loại thuộc nhóm 96.09
35.	96.09		Bút chì (trừ các loại bút chì thuộc nhóm 96.08), bút màu, ruột chì, phấn màu, than vẽ, phấn vẽ hoặc viết và phấn thợ may